

Bản án số: 166/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm
Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 06 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Đào Văn P, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang cư trú, lao động ở nước ngoài không rõ địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Đào Văn P, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M đăng kết hôn ngày 27/04/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Trước khi kết hôn anh và chị M có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có được sự đồng ý của 02 bên gia đình. Sau khi kết hôn anh và chị M vẫn làm ăn sinh sống ở Hàn Quốc, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Trong thời gian chung sống với nhau ở Hàn Quốc, giữa hai vợ chồng cũng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày không hợp nhau, hai bên gia đình cũng đã nhiều lần điện thoại sang để

hòa giải nhưng không có kết quả. Đến ngày 09/01/2023 do hết hạn Hợp đồng lao động cho nên anh về Việt Nam sinh sống và làm ăn. Anh có bảo chị M cùng về nước nhưng chị M không đồng ý và đã bỏ trốn ra ngoài, sống bất hợp pháp. Đến nay, chị M vẫn đang cư trú và lao động ở Hàn Quốc không rõ địa chỉ, anh và chị M không còn liên hệ với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị M được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào Văn A, sinh ngày 16/02/2021 hiện nay do anh nuôi dưỡng và chăm sóc. Do chị Nguyễn Thị M hiện nay vẫn đang cư trú ở Hàn Quốc chưa về Việt Nam nên không có khả năng trực tiếp nuôi con chung, vợ chồng ly hôn anh yêu cầu Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu chị Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Nguyễn Thị M hiện nay không có mặt ở địa P, không có lời khai.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/02/2023, đại diện Ủy ban nhân dân xã B, huyện L cung cấp: Chị Nguyễn Thị M có đăng ký cư trú ở tại Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị M hiện nay vắng mặt tại địa P, đang lao động ở nước ngoài địa chỉ cụ thể của chị M ở nước ngoài như thế nào thì địa P cũng không nắm được.

Do chị M không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài nên ngày 27/02/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số: 36/2023/QĐ-UTTA ủy thác cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa để lấy lời khai ông Nguyễn Văn Đ là bố đẻ chị M yêu cầu cung cấp địa chỉ cụ thể của chị M ở nước ngoài.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/05/2023 và 28/03/2023 ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa là bố đẻ chị M cung cấp: Ông là bố đẻ chị Nguyễn Thị M, chị M hiện nay đang lao động ở Hàn Quốc, gia đình ông vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với chị M. Về địa chỉ cụ thể của chị M ở nước ngoài như thế nào chị M không cung cấp cho gia đình nên ông không biết. Ông cũng đồng ý nhận các văn bản, thông báo của Tòa án liên quan đến việc giải quyết ly hôn giữa anh P và chị M và thông báo lại nội dung cho chị M biết.

Tại phiên tòa, anh Đào Văn P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị M đã được triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Đào Văn P; biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Văn Đ là bố đẻ chị M và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Đào Văn P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ

tổ tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh P và chị M.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Văn P.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đào Văn P được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Giao cháu Đào Văn A, sinh ngày 16/02/2021 cho anh P nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh P không yêu cầu nên chị M không phải cấp cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Anh Đào Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn anh Đào Văn P, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P và chị M.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh P là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị M, chị M hiện đang lao động ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Theo công văn số: 10408/QLXNC-P5 ngày 05/05/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an cung cấp, chị M đã xuất nhập cảnh 09 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 08/04/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Địa chỉ cuối cùng của chị M ở Việt Nam là: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Do vụ án có bị đơn ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Đào Văn P và chị Nguyễn Thị M kết hôn ngày 27/04/2020 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh P yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị M. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi anh P và chị M Đăng ký kết hôn ở Hàn Quốc và tiếp tục chung sống với nhau tại Hàn Quốc. Trong thời gian chung sống với nhau ở Hàn Quốc, giữa hai vợ chồng cũng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày không hợp nhau, hai bên gia đình cũng đã nhiều lần điện thoại sang để hòa giải nhưng không có kết quả. Đến ngày 09/01/2023, anh P hết hạn hợp đồng nên về Việt Nam, anh mong muốn chị M về Việt Nam nhưng chị M không về. Từ đó vợ chồng anh P, chị M không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm ai. Như vậy, vợ chồng anh P, chị M không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P. Xử cho anh P được ly hôn chị M như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về nuôi con chung: Vợ chồng anh P, chị M có 01 con chung là cháu Đào Vân A, sinh ngày 16/02/2021. Vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đào Vân A.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh P, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị M vẫn ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cháu Đào Vân A đang do anh P trực tiếp nuôi dưỡng cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu Đào Vân A. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh P. Giao cháu Đào Vân A cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là có căn cứ và đảm bảo quyền lợi mọi mặt con chung, cũng như điều kiện thực tế hiện nay.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp chị Nguyễn Thị M về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản, công nợ: Do anh P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Đào Văn P được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đào Văn A, sinh ngày 16/02/2021 cho anh Đào Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Văn A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị M có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Đào Văn P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00000857 ngày 09/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh P đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Đào Văn P hiện đang ở Việt Nam nhưng vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị M hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

